

Bản án số: 421/2025/DS-PT

Ngày: 24 - 9 - 2025

V/v Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và
đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thủy Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 về Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 361/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Việt T, sinh năm 1937 (có mặt)

Căn cước công dân số: 096037003565; cấp ngày: 25/09/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương L, sinh năm 1981 (có mặt)

Cư trú tại: Số nhà B đường N, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Phường L, tỉnh Cà Mau). Theo giấy ủy quyền ngày 06/01/2023.

- Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1987 (có mặt)

Căn cước công dân số: 096087003159; cấp ngày: 10/10/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

2. Ông Lê Sơn T1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

3. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1931 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị L1:

3.1 Ông Lê Minh C1, sinh năm 1954 (vắng mặt)

3.2 Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1961 (vắng mặt)

3.3. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

3.4. Bà Lê Mỹ L2, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

3.5. Bà Lê Mỹ H1, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

4. Ông Nguyễn Thành Ú (vắng mặt)

5. Ông Châu Tuấn O (vắng mặt)

6. Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt)

7. Bà Bùi Mỹ T3, sinh năm 1962 (vắng mặt)

8. Ông Phạm Thành P, sinh năm 1971 (vắng mặt)

9. Ông Bùi Anh K, sinh năm 1955 (vắng mặt)

10. Bà Bùi Viễn C2, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau)

11. Ông Bùi Thế T4, sinh năm 1953 (vắng mặt)

12. Ông Phạm Thành L3, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

13. Bà Bùi Thị T5, sinh năm 1949 (vắng mặt)

14. Ông Bùi Minh T6, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau)

15. Ông Lâm Việt T7 (vắng mặt)

16. Bà Phạm Kiều O1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

17. Ông Bùi Viễn Đ1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

18. Ông Phạm Thành D, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cư trú tại: Đường C, khóm E, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau)

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Việt T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và theo lời trình bày của ông Trương L tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án và yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ngày 26/11/2013 em của ông T là bà Bùi Thị N chết có để lại di sản là quyền sử dụng đất số A 119730 được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C cấp ngày 23/6/1990 với diện tích là 5.800 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau và các tài sản trên đất là 02 căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ hàng rào lưới B40. Hiện tại ông Lê Minh H, ông Lê Hoàng C đang quản lý phần đất có diện tích là 1.408,5 m² và 02 căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ hàng rào lưới B40 trên phần đất này, thuộc thửa đất số 511, tờ bản đồ số 4 có diện tích là 2.300 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSDĐ) số A 119730 được UBND huyện C cấp ngày 23/6/1990 đứng tên Bùi Thị N. Phần đất này có tứ cận như sau:

- Phía Đông và phía Bắc giáp với đất ông Bùi Chí T8.
- Phía Tây giáp với lộ nông thôn.
- Phía Nam giáp với đất ông Lê Sơn T1.

Ông Lê Sơn T1 đang quản lý phần đất có diện tích là 226 m² thuộc thửa đất số 511 có diện tích là 2.300 m², tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nằm trong giấy CNQSDĐ số A 119730 được UBND huyện C cấp ngày 23/6/1990 đứng tên Bùi Thị N. Phần đất này có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông và phía Nam giáp với đất ông Lê Sơn T1.
- Phía Bắc giáp với đất ông Lê Minh H.
- Phía Tây giáp với lộ nông thôn.

Sau khi chết bà N có để lại di chúc đề ngày 12/6/2006, được chứng thực ngày 25/7/2006 là cho ông Lê Minh H phần đất phần đất có diện tích là 2.300 m² thuộc thửa đất số 511, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên di chúc bà N để lại là không hợp pháp và ông T là người thừa kế ở hàng thừa kế thứ hai do bà N không có chồng và con.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy di chúc ngày 12/6/2006 được chứng thực ngày 25/7/2006 tên Bùi Thị N; Đối với yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ đứng tên ông Lê Minh H do có cơ sở xác định ông H chưa được cấp giấy CNQSDĐ nên nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy toàn

bộ thủ tục khai nhận di sản thừa kế trên tại Văn phòng C3 và yêu cầu trả lại Bản chính giấy CNQSDĐ đứng tên bà Bùi Thị N. Buộc ông Lê Minh H và ông Lê Hoàng C trả lại phần đất đang quản lý có diện tích là 1.408,5 m² và 02 căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ hàng rào lưới B40 trên phần đất lại cho ông Bùi Việt T; Buộc ông Lê Minh H trả lại cho ông T bản gốc giấy CNQSDĐ đứng tên Bùi Thị N số A 119730 được UBND huyện C cấp ngày 23/6/1990 với diện tích là 5.800 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; Nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Lê Sơn T1 trả lại cho ông T phần đất có diện tích là 226 m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 511 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Theo ông Lê Minh H trình bày: Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Bùi Việt T với lý do tờ di chúc do bà Bùi Thị N lập ngày 12/6/2006 và được chứng thực ngày 25/7/2006 tại UBND xã T. Do bà N không biết chữ nên khi lập di chúc thì bà N nhờ ông Bùi Thế T4 viết hộ di chúc cho bà N, nội dung di chúc là để lại phần đất có tích là 2.300 m² và toàn bộ tài sản trên phần đất lại cho ông. Sau khi bà N chết thì di chúc của bà N được mở vào ngày 02/12/2013 tại Văn phòng C3. Sau khi mở di chúc thì ông liên hệ đến các cơ quan chức năng để làm thủ tục chuyển tên giấy CNQSDĐ thì ông Bùi Chí T8 phát sinh tranh chấp với ông đối với phần đất ông được nhận theo di chúc. Tại Bản án số 124/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông đối với ông Bùi Chí T8 và bà Phạm Thị P1. Sau khi bản án có hiệu lực thì ông đã có yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành bản án cho ông nhưng đến nay chưa thi hành xong, phần đất 2.300 m² vẫn do bà Bùi Thị N đứng tên giấy CNQSDĐ. Hiện nay giấy CNQSDĐ của bà Bùi Thị N ông đang quản lý. Do di chúc bà N lập để lại di sản cho ông là hợp pháp, có người viết hộ và được chứng thực tại UBND xã T, huyện C và đồng thời đối tượng tranh chấp đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên ông không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Việt T.

Theo ông Lê Sơn T1 trình bày: Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Bùi Việt T, ông cho rằng ông không có liên quan gì đến phần đất bà N đứng tên giấy CNQSDĐ. Ông không có quản lý phần đất 226 m² như phía ông T trình bày, phần đất của ông không có giáp ranh với đất của ông Bùi Việt T, đất ông chỉ có giáp ranh với đất của bà Bùi Thị N đứng tên quyền sử dụng đất và đất đó hiện nay do ông Lê Minh H quản lý, canh tác.

Theo ông Bùi Thế T4 trình bày: Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì ông không đồng ý, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông nội của ông Bùi Tín L4 cho cô của ông là bà Bùi Thị N canh tác từ năm 1972, bà N canh tác ổn định và đã được UBND huyện C cấp giấy CNQSDĐ vào ngày 23/6/1990. Bà Bùi Thị N không có chồng và không có con, bà N bị mù mắt không có người nuôi dưỡng nên năm 2006 mới tiến hành họp thân tộc và lập di chúc cùng ngày 12/6/2006 với nội dung là bà N để lại toàn bộ tài sản là phần đất có diện tích 2.300 m² và toàn bộ tài sản trên đất lại cho ông Lê Minh H, ông H có trách nhiệm nuôi dưỡng bà N đến khi chết. Ông là người trực tiếp viết hộ di chúc cho bà N do bà N bị mù mắt và không biết chữ. Việc lập di chúc thực hiện tại nhà của ông, khi lập di chúc có nhiều anh

em trong thân tộc cùng với chính quyền địa phương chứng kiến, đến ngày ngày 25/7/2006 thì di chúc được UBND xã T xác nhận chứng thực. Sau khi lập di chúc thì ông H đưa bà N về ở chung nhà và chăm sóc cho bà N đến ngày 26/11/2013 thì bà N chết. Ông thừa nhận bà Bùi Thị T5 có chứng kiến nhưng không có ký tên vào di chúc, những người ký vào di chúc đều có mặt tại thời điểm lập di chúc. Đối với căn nhà của bà Bùi Thị N là nhà tình thương do Nhà nước hỗ trợ và con cháu thêm tiền vào xây nhà cho bà N chứ không phải căn nhà do ông T bỏ tiền ra xây dựng. Ông T không có chăm sóc, nuôi dưỡng bà N, ông H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà N cho đến khi bà N chết và hiện nay ông H cũng đang thờ cúng bà N. Ông khẳng định di chúc của bà N là hợp pháp, ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Việt T đối với Lê Minh H về việc: Yêu cầu hủy di chúc được lập ngày 12/6/2006 được chứng thực của UBND xã T ngày 25/7/2006 do bà Bùi Thị N đứng tên; Yêu cầu hủy toàn bộ thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc của ông Lê Minh H từ bà Bùi Thị N đối phần đất diện tích 2.300 m² tại Văn phòng C3; Yêu buộc ông Lê Minh H trả lại cho ông Bùi Việt T bản chính giấy CNQSDĐ đứng tên Bùi Thị N số A 119730 được UBND huyện C cấp ngày 23/6/1990 với diện tích là 5.800 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; Yêu cầu buộc ông Lê Minh H và ông Lê Hoàng C trả lại phần đất đang quản lý có diện tích là 1.408,5 m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 1.397,1 m²) và 02 căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ hàng rào lưới B40 trên phần đất lại cho ông Bùi Việt T.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Việt T về việc buộc ông Lê Sơn T1 trả lại cho ông Bùi Việt T phần đất có diện tích là 226 m².

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 11/7/2025 ông Bùi Việt T có đơn kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trương L đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Việt T trình bày: Tài sản tranh chấp là đối tượng thi hành án, cấp sơ thẩm không đưa Cơ quan Thi hành án vào tham gia tố tụng là không đảm bảo quyền lợi của Cơ quan Thi hành án; cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng C3 tham gia tố tụng là chưa đảm bảo quyền lợi; trên đất tranh chấp có mộ bà Huỳnh Thị T9, cấp sơ thẩm không đưa các thừa kế của bà T9 tham gia là chưa giải quyết triệt để vụ án. Di chúc hình thức và nội dung không hợp pháp. Yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Lê Minh H trình bày: Không chấp nhận yêu cầu hủy di chúc, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Bùi Việt T trình bày: Phần đất tranh chấp trước đây của ông, ông cho bà N làm em ruột. Nay do H tranh chấp với ông T8 là con của ông nên ông đòi đất lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Việt T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Bùi Việt T là nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Việt T, ông T cho rằng di chúc của bà N lập ngày 12/6/2006 được chứng thực của UBND xã T ngày 25/7/2006 là không hợp pháp và từ lý do đó, ông T yêu cầu hủy toàn bộ thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc của ông Lê Minh H từ bà Bùi Thị N đổi phần đất diện tích 2.300m² và yêu cầu ông H trả lại giấy CNQSDĐ của bà N, trả lại đất, nhà, tài sản của bà N cho ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng khi lập di chúc thì bà N bị mù, không biết chữ nhờ người viết hộ và có người làm chứng nhưng những người viết hộ và người chứng kiến này thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà N hoặc Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc nên di chúc không hợp pháp. Tại tờ di chúc ngày 12/6/2006 có ông Bùi Thế T4 là người viết hộ, có người làm chứng là Bùi Thị L1, Bùi Thị T5, Phạm Kiều O1. Tuy nhiên ngoài những người này có thể thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà N thì còn có ông Nguyễn Thành Ú là "Đại diện chánh quyền" ký chứng kiến. Như vậy ngoài những người viết hộ và làm chứng nêu trên thì có ông Nguyễn Thành Ú chứng kiến là khách quan, không phải thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà N hoặc người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc. Nguyên đơn cho rằng di chúc được lập tại nhà bà N chứ không phải tại trụ sở UBND xã T, thời gian lập vào lúc 12 giờ không phải là giờ làm việc. Tuy nhiên căn cứ theo Điều 9 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Vào thời điểm lập di chúc và được chứng thực thì bà N bị mù, đi lại khó khăn nên tiến hành việc lập di chúc thực hiện ở nhà bà N là phù hợp.

Căn cứ theo Công văn số 89/CV-PC09 ngày 06/6/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh C trả lời: Do dấu vân tay mờ nhòe không đủ đặc điểm để tiến hành giám định. Nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh việc bà

N không có lãn tay vào tờ di chúc để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Ngoài ra, tại Bản án sơ thẩm số 124/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giải quyết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là ông Lê Minh H, bị đơn là ông Bùi Chí T8 và bà Phạm Thị P1, đã xác định phần đất thuộc quyền sở hữu của bà N được cấp giấy CNQSDĐ và để thừa kế lại cho anh H là hợp pháp (bản án đã có hiệu lực pháp luật).

[2.3] Bên cạnh đó, Tại Thông báo số 635/TB-VKS-DS ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 124/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giải quyết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là ông Lê Minh H, bị đơn là ông Bùi Chí T8 và bà Phạm Thị P1, cũng đã nhận định: “... Như vậy, phần đất thuộc quyền sử dụng của bà N được cấp quyền sử dụng đất và để thừa kế lại phần đất cho anh H là hợp pháp...”.

[2.4] Việc nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm không đưa Cơ quan Thi hành án và Văn phòng C3 tham gia tố tụng là thiếu sót, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thi hành án là theo yêu cầu của ông Lê Minh H, Cơ quan Thi hành án tạm ngừng để chờ kết quả giải quyết tranh chấp giữa ông Bùi Việt T với ông Lê Minh H xong thì mới xem xét có tiếp tục thi hành án hay không nên không cần đưa Cơ quan Thi hành án vào tham gia tố tụng. Đối với Văn phòng C3, tranh chấp trong vụ án liên quan đến việc công chứng nhưng đã được quy định tại Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 như nêu trên, không liên quan đến nghĩa vụ giải thích của Công chứng viên, do đó không cần đưa Văn phòng C3 tham gia tố tụng. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp có ngôi mộ nhưng là của mẹ bị đơn Lê Minh H nên việc cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của cụ Huỳnh Thị T9 (mẹ của ông H) tham gia tố tụng, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3] Từ những căn cứ và phân tích trên, Bản án sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Việt T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng: Ông Bùi Việt T phải chịu 4.960.000 đồng (đã nộp).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Bùi Việt T được miễn do là người cao tuổi (đã được miễn dự nộp).

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Việt T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Việt T đối với Lê Minh H về việc: Yêu cầu hủy di chúc được lập ngày 12/6/2006 được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T ngày 25/7/2006 do bà Bùi Thị N đứng tên; Yêu cầu hủy toàn bộ thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc của ông Lê Minh H từ bà Bùi Thị N đối phần đất diện tích 2.300m² tại Văn phòng C3; Yêu buộc ông Lê Minh H trả lại cho ông Bùi Việt T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Thị N số A 119730 được UBND huyện C cấp ngày 23/6/1990 với diện tích là 5.800 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; Yêu cầu buộc ông Lê Minh H và ông Lê Hoàng C trả lại phần đất đang quản lý có diện tích là 1.408,5 m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 1.397,1m²) và 02 căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ hàng rào lưới B40 trên phần đất lại cho ông Bùi Việt T.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Việt T về việc buộc ông Lê Sơn T1 trả lại cho ông Bùi Việt T phần đất có diện tích là 226 m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 511 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi Việt T phải chịu tổng cộng là 4.960.000 đồng (đã nộp xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Bùi Việt T được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập

Đặng Minh Trung

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh